TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HSST
Ngày: 29/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Tú.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Khắc Tuấn và bà Đào Thị Minh Nguyệt

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Đức Thuận - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Ông Đỗ Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, sinh năm 2005 tại B V, Hà Nội;

Nơi cư trú: Thôn L B, xã B V, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Nh và bà Đinh Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- Bị hại: Anh Bùi Xuân Ng, sinh năm 2005;

Trú tại: Thôn S, xã B V, Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Quang M, sinh năm 2003;

Trú tại: Thôn H L, xã S H, Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi tối ngày 14/5/2025, Nguyễn Duy T có sang nhà Bùi Xuân Ng chơi bi-a và trong lúc chơi, T để ý thấy Ng hay để chiếc điện thoại Iphone 16 Pro của Ng ở giá xếp bi-a, cạnh tường bao giáp phía sau nhà được bắn tấm nhựa, chỗ này có một lỗ thủng. Khoảng 21 giờ ngày 15/5/2025 T đến nhà anh Ng và đứng ngoài cổng quan sát một lúc, thấy bên trong Ng vẫn đang mải chơi đánh bi-a cùng số người trên nên T nghĩ Ng sẽ để chiếc điện thoại ở vị trí cũ mà T biết. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định đi vào lấy trộm chiếc điện thoại của Ng. Để tránh sự phát hiện của mọi người, T đi vòng từ dưới vườn phía trước nhà Ng, đi qua ngách nhà phía bên tay trái hướng từ cổng nhìn vào rồi đi vòng ra phía sau nhà đến vị trí Ng để chiếc điện thoại Iphone 16Pro. Lúc này, Ng và mọi người đang mải chơi nên không ai để ý. T nhanh chóng thò tay qua lỗ thủng của tấm nhựa, cầm lấy chiếc điện thoại của Ng rồi đi quay ra theo đường cũ và đi về nhà. Trên đường đi bộ về nhà, T mở chiếc điện thoại ra để kiểm tra thì thấy điện thoại không có mật khẩu và đã thoát T khoản iCloud.

Sau đó, T đi về nhà, lấy xe máy và đi xuống khu vực xã T L, B V, Hà Nội nay là xã S H, Hà Nội tìm quán bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được. Trên đường đi đến khu vực gần cây xăng Đ Ch, xã B V, T dừng xe rồi tháo bỏ chiếc sim lắp trong chiếc điện thoại ra và lắp sim, đăng nhập T khoản iCloud của T vào máy điện thoại đem đi bán tránh sự nghi ngờ của người mua. Trên đường đi, T ném bỏ chiếc sim của Ng ở ngoài đường, do trời tối nên T không xác định được vị trí cụ thể ném bỏ chiếc sim ở đâu. Sau đó, T quan sát thấy cửa hàng điện thoại có biển hiệu "Q M APPLE", địa chỉ xã S H, Hà Nội do anh Hồ Quang M (SN: 2003; HKTT: thôn H L, S H, Hà Nội) làm chủ vẫn mở cửa. T biết anh M là do quen biết ngoài xã hội, một vài lần chơi bi-a cùng nhau. T cầm chiếc điện thoại vào thì gặp anh Minh đang ở cửa hàng. T nói với anh Minh đây là chiếc điện thoại của mình, do cần tiền muốn bán thì anh M có kiểm tra qua chiếc điện thoại thấy không có mật khẩu và T khoản iCloud đăng nhập là tên của T nên anh Minh tin tưởng và đồng ý mua với giá 19.200.000đ. Sau đó, T tháo sim của mình ra khỏi máy và nhận tiền mặt rồi đi về nhà. Ngày hôm sau, T bắt xe đi làm công nhân ở khu công nghiệp Bắc Giang, số tiền có được từ việc bán chiếc điện thoại trộm cắp, T đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi mua chiếc điện thoại trên, anh M đã bán lại cho anh Nguyễn Bá H (SN: 2000; HKTT: T H, phường S T, Hà Nội) là nhân viên cửa hàng điện thoại có biển hiệu "Phan Sơn LUXURY Mobile", địa chỉ số 48, thôn H B, Th Th, Hà Nội do

anh Phan Lạc S (SN: 1993; HKTT: S Ch, Q Tr, Th Th) làm chủ với giá 20.200.000đ. Ngày 20/5/2025, anh Phan Ích C (SN: 1986; HKTT: H B, Th Th, Hà Nội) đến cửa hàng điện thoại của anh Sơn và mua lại chiếc điện thoại trên với giá 22.500.000đ về sử dụng. Ngày 29/5/2025, anh Phan Ích C đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại trên cho CQĐT.

Tại bản Kết luận định giá T sản số: 61/HĐ-ĐGTS ngày 16/6/2025 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện B V, kết luận: "Chiếc điện thoại Iphone 16 Pro, màu vàng sa mạc, dung lượng 256G (đã qua sử dụng) có giá trị là**:** **22.000.000đ** (Hai mươi hai triệu đồng)."

Căn cứ vào lời khai nhận của Nguyễn Duy T, Cơ quan CSĐT đã cho T tự đi xác định lại vị trí, địa điểm T thực hiện hành vi trộm cắp T sản và vị trí bán chiếc điện thoại T trộm cắp được. Kết quả: Phù hợp với lời khai bị hại, nhân chứng và T liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Quá trình rà soát hệ thống camera tại hiện trường và mở rộng hiện trường, Cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 đoạn video được trích xuất từ hệ thống camera an ninh tại cửa hàng anh Hồ Quang Minh ghi lại hình ảnh Nguyễn Duy T mang chiếc điện thoại trộm cắp được trên đến bán tại cửa hàng của anh Minh vào tối ngày 15/5/2025. Ngoài ra, Cơ quan CSĐT đã tiến hành cho anh Minh nhận dạng qua ảnh của Nguyễn Duy T để làm căn cứ.

Việc truy tìm vật chứng: Đối với chiếc sim điện thoại số thuê bao: 0963263165 lắp trong máy Iphone 16 Pro của anh Bùi Xuân Ng trước khi bị Nguyễn Duy T trộm cắp. Quá trình điều tra, xác định: Trên đường đi bán chiếc điện thoại, T đã ném bỏ. Do trời tối nên T không xác định được vị trí cụ thể ném bỏ chiếc sim trên là ở đâu nên không truy tìm được chiếc sim trên.

Việc xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 16 Pro, màu vàng sa mạc, dung lượng 256G (đã qua sử dụng). Quá trình điều tra, xác định: Chiếc điện thoại này là T sản của anh Bùi Xuân Ng bị Nguyễn Duy T trộm cắp ngày 15/5/2025 tại thôn Sổ, xã Ba Vì, Hà Nội. Cơ quan CSĐT đã tiến hành trao trả lại chiếc điện thoại trên cho anh Ng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Bùi Xuân Ng, Phan Ích C, Phan Lạc S đã được người bán trả lại tiền mua chiếc điện thoại Iphone 16 Pro trên và không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự.

- Anh Hồ Quang M có yêu cầu đề nghị Nguyễn Duy T phải bồi thường tổng số tiền 19.200.000đ là số tiền mà anh Minh bỏ ra mua chiếc điện thoại của T. Đến nay, T vẫn chưa khắc phục, bồi thường theo yêu cầu của anh M.

Đối với các anh Hồ Quang M, Bùi Xuân Ng, Phan Ích C, Phan Lạc S khi mua bán chiếc điện thoại chiếc điện thoại Iphone 16 Pro, màu vàng sa mạc, dung lượng 256G đều không biết đây là T sản do phạm tội mà có nên hành vi của anh M, Ng, C, S không đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS. Do đó, CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 42/CT – VKS ngày 15/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội "Trộm cắp T sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ Ng quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "Trộm cắp T sản". Đề nghị: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Duy T cho UBND xã B V, Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải bồi thường cho anh Hồ Quang M số tiền 19.200.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có QLNVLQ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, biên bản hỏi cung bị can, cùng những T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 15/05/2025, tại nhà anh Bùi Xuân Ng ở thôn S, xã B V, Hà Nội, Nguyễn Duy T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 16Pro, màu vàng xa mạc, 256GB của anh Ng có giá trị 22.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp T sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S T, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội trộm cắp T sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đó là những tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Duy T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù cho

hưởng án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có T sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hồ Quang M yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 19.200.000 đồng là tiền anh M mua chiếc điện thoại bị cáo trộm cắp. Xét yêu cầu trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trao trả T sản cho bị hại nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Các điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T 15 (Mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **30 (Ba mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về Tội trộm cắp T sản.

Giao bị cáo Nguyễn Duy T cho Uỷ ban nhân dân xã B V, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải bồi thường cho anh Hồ Quang M số tiền 19.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 960.000đồng án phí dân sự.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSNDThành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực
- Phòng thi hành án khu vực
- Công an;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tú